

Số: 06 /TB-TKT

Cà Mau, ngày 31 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau
tháng 10 và 10 tháng năm 2025

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Ngư, nông, lâm nghiệp

1.1. Thủy sản

Sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản tháng 10 năm 2025 ước đạt 119.010 tấn, tăng 4,13% so với cùng kỳ, trong đó: tôm 64.570 tấn, tăng 7,35% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025 ước đạt 1.026.381 tấn, tăng 5,71% so với cùng kỳ; trong đó: tôm 479.699 tấn, tăng 8,06% so với cùng kỳ. Chia ra:

- Sản lượng khai thác thủy sản lũy kế 10 tháng năm 2025 ước đạt 305.821 tấn, tăng 2,15% so với cùng kỳ.

- Sản lượng nuôi trồng thủy sản lũy kế 10 tháng năm 2025 ước đạt 720.560 tấn, tăng 7,30% so cùng kỳ.

1.2. Nông nghiệp

- *Tình hình sản xuất lúa:*

+ *Thu hoạch lúa hè thu:* Qua kết quả điều tra diện tích sản xuất lúa vụ hè thu đã kết thúc gieo trồng với tổng diện tích đạt 94.142 ha, không đổi so cùng kỳ năm 2024; diện tích thu hoạch đạt 100% diện tích gieo trồng, tăng 0,54% so cùng kỳ; năng suất thu hoạch bình quân ước đạt 56,74 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 534.195 tấn, tăng 0,21% so với vụ hè thu năm 2024.

+ *Xuống giống lúa vụ thu đông năm 2025:* Ước đến tháng 10 xuống giống khoảng 33.544 ha, hầu hết các địa phương đã xuống giống dứt điểm, chỉ còn lại một số địa phương xuống giống trễ là xã Hòa Bình và xã Phước Long. Hiện tại phần lớn lúa đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh, ở một số địa phương gieo trồng sớm như phường Vĩnh Trạch, phường Hiệp Thành và 1 phần xã Hòa Bình đang ở giai đoạn trổ, chín.

+ *Xuống giống lúa vụ đông xuân (gieo trồng năm 2025 thu hoạch năm 2026 tính cho lúa vụ đông xuân năm 2026):* diện tích gieo trồng ước đạt 1.856 ha, bằng 23,21% so cùng kỳ, đạt 1,99% kế hoạch. Do tình hình thời tiết trong tháng không thuận lợi, ảnh hưởng của mưa bão nên tiến độ gieo trồng chậm hơn cùng kỳ năm trước.

- *Tình hình sản xuất các loại cây trồng hàng năm khác ước 10 tháng năm 2025:* gieo trồng ngô đạt 828,55 ha, thu hoạch ước đạt 3.993,70 tấn, tăng 2,97% so

cùng kỳ; mía gieo trồng đạt 416,70 ha, thu hoạch 21.741,62 tấn, giảm 4,22% so cùng kỳ; khoai lang gieo trồng đạt 278,20 ha, thu hoạch 1.590,67 tấn, giảm 0,69% so cùng kỳ; rau, đậu các loại gieo trồng đạt 22.618,60 ha, thu hoạch 214.263,21 tấn, giảm 0,53% so cùng kỳ.

- *Tình hình sâu bệnh*: trên cây lúa: bị gây hại bởi chuột, ốc bươu vàng, đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, cháy bìa lá, rầy nâu, lem lép hạt, sâu cuốn lá,... gây hại rải rác với mức độ thiệt hại từ nhẹ đến trung bình. Diện tích bị ảnh hưởng lũy kế 102.711 ha, người dân đã phòng trừ và khắc phục được 74.217 ha, diện tích còn lại ở mức nhẹ đến trung bình, nông dân đang tiếp tục theo dõi và tiếp tục phòng trừ. Tuy nhiên, vẫn có một số diện tích không thể khắc phục, làm giảm năng suất thu hoạch; trên rau màu: bị ảnh hưởng bởi sâu tơ, sâu khoang, sâu xanh, bọ nhảy, bọ trĩ, thối nhũn,... xuất hiện rải rác trên rau, màu ở một vài nơi trong tỉnh mức độ thiệt hại nhỏ. Diện tích bị ảnh hưởng lũy kế 5.998 ha, đã phòng trừ 4.741 ha, diện tích còn lại chủ yếu gây hại ở mức nhẹ, nông dân đang tiếp tục theo dõi và phòng trừ; trên cây ăn trái: bị ảnh hưởng của sâu đục cành, ngọn, ruồi đục trái gây hại trên xoài; sâu vẽ bùa gây hại trên cam, quýt; sâu đầu đen gây hại trên dừa mức độ thiệt hại không lớn.

1.3. Lâm nghiệp

Công tác trồng rừng: ước thực hiện tháng 10 đạt 1.129,53 ha, giảm 18,12% so với cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm công tác trồng rừng đạt 2.954,04 ha. Trong đó: diện tích trồng rừng lại sau khai thác 2.822,41 ha, diện tích rừng trồng mới 123,43 ha, trồng rừng thay thế 8,2 ha.

Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng: mùa khô đã đi qua nên hiện nay nguy cơ cháy rừng hầu như không còn, công tác phòng cháy chữa cháy rừng cơ bản đã kết thúc. Các đơn vị kiểm tra máy móc, vệ sinh trang thiết bị, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng và đưa vào kho bảo quản.

2. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tháng 10/2025 tăng 2,91% so tháng trước, tăng 9,89% so cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025 chỉ số sản xuất tăng 8,22% so cùng kỳ. Cụ thể từng ngành công nghiệp như sau:

- *Ngành khai khoáng*: chỉ số sản xuất ước tính tháng 10/2025 tăng 18,37% so tháng trước, tăng 9,55% so cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025 chỉ số sản xuất ước tính giảm 1,63% so cùng kỳ.

- *Ngành công nghiệp chế biến chế tạo*: chỉ số sản xuất ước tính tháng 10/2025 tăng 3,34% so tháng trước, tăng 10,25% so cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025 chỉ số sản xuất ước tính tăng 9,75% so cùng kỳ.

- *Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí*: chỉ số sản xuất ước tính tháng 10/2025 giảm 15,10% so tháng trước, tăng 6,22% so cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025 chỉ số sản xuất ước tính tăng 2,30% so cùng kỳ.

- *Ngành công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải*: chỉ số sản xuất ước tính tháng 10/2025 tăng 3,26% so tháng trước, tăng 4,35% so cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025 chỉ số sản xuất ước tính tăng 0,05% so cùng kỳ.

3. Tài chính, tín dụng

- *Thu, chi ngân sách Nhà nước*:

+ Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: lũy kế từ đầu năm đến ngày 29/10/2025 đạt 9.946,45 tỷ đồng, đạt 95,94% so dự toán; trong đó: thu nội địa đạt 9.495,91 tỷ đồng, đạt 94,46% so dự toán; thu thuế xuất nhập khẩu đạt 450,54 tỷ đồng, vượt 43,03% so dự toán.

+ Chi ngân sách địa phương: lũy kế từ đầu năm đến ngày 29/10/2025 đạt 20.229,14 tỷ đồng, đạt 76,16% so dự toán; trong đó: chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 3.393,82 tỷ đồng, đạt 57,16% so dự toán; chi thường xuyên đạt 15.470,40 tỷ đồng, đạt 100,05% so dự toán.

- *Hoạt động tín dụng*:

+ Tổng nguồn vốn huy động tại địa phương ước đến cuối tháng 10/2025 đạt 88.300 tỷ đồng, tăng 14,86% so cuối năm 2024. Trong đó: tiền gửi đạt 87.250 tỷ đồng, tăng 14,30%; phát hành giấy tờ có giá đạt 1.050 tỷ đồng, tăng 9,47%.

+ Dự nợ tín dụng ước đến cuối tháng 10/2025 đạt 128.000 tỷ đồng, tăng 9,79% so cuối năm 2024. Trong đó: dự nợ ngắn hạn đạt 88.200 tỷ đồng, tăng 8,67%; dự nợ trung dài hạn đạt 39.800 tỷ đồng, tăng 12,36%.

4. Thương mại - dịch vụ, giá cả

4.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2025 ước đạt 18.714,80 tỷ đồng, tăng 16,31% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025 ước đạt 179.877,92 tỷ đồng, tăng 17,66% so cùng kỳ; Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10/2025 ước đạt 14.571,84 tỷ đồng, tăng 16,91% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025 ước đạt 139.738,93 tỷ đồng, tăng 16,56% so cùng kỳ.

4.2. Giá cả

- Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2025 tăng 0,19% so tháng trước, tăng 3,43% so cùng kỳ. Bình quân 10 tháng năm 2025 tăng 3,67% so cùng kỳ. Cụ thể tình hình tăng, giảm giá các nhóm hàng trong tháng 10/2025 như sau:

+ Chỉ số giá hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống tháng 10/2025 tăng 0,33% so tháng trước, tăng 2,11% so cùng kỳ.

+ Chỉ số giá một số mặt hàng phi lương thực, thực phẩm tháng 10/2025 cụ thể: hàng đồ uống và thuốc lá tăng 0,76% so tháng trước, tăng 4,53% so cùng kỳ; hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,66% so tháng trước, tăng 2,57% so cùng kỳ; hàng nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,63% so tháng

trước, tăng 4,47% so cùng kỳ; hàng thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,28% so tháng trước, tăng 2,41% so cùng kỳ; hàng thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,01% so tháng trước, tăng 17,42% so cùng kỳ; hàng giao thông tăng 0,88% so tháng trước, tăng 2,22% so cùng kỳ; hàng bưu chính viễn thông giảm 0,01% so tháng trước, tăng 0,72% so cùng kỳ;...

- Chỉ số giá vàng tháng 10/2025 tăng 16,59% so tháng trước, tăng 58,25% so cùng kỳ. Chỉ số giá đô la Mỹ 10/2025 giảm 0,35% so tháng trước, tăng 4,69% so cùng kỳ.

5. Hoạt động giao thông vận tải

Khối lượng vận chuyển hành khách tháng 10/2025 ước đạt 18.420,81 nghìn HK, tăng 6,47% so tháng trước, tăng 22,12% so cùng kỳ.

Khối lượng luân chuyển hành khách tháng 10/2025 ước đạt 844,96 triệu HK.km, tăng 4,74% so tháng trước, tăng 23,20% so cùng kỳ.

Khối lượng vận chuyển hàng hóa tháng 10/2025 ước đạt 1.109,05 nghìn tấn, tăng 3,72% so tháng trước, tăng 17,30% so cùng kỳ.

Khối lượng luân chuyển hàng hóa tháng 10/2025 ước đạt 134,10 triệu tấn.km, tăng 4,74% so tháng trước, tăng 21,77% so cùng kỳ.

II. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục

Trong tháng 10 đã đào tạo cho 1.082 người; lũy kế đã tuyển sinh, đào tạo và bồi dưỡng cho 36.952/41.500 người, bằng 89,04% kế hoạch (*Trong đó: Cao đẳng 2.001 người; trung cấp 604 người; sơ cấp 2.523 người; đào tạo dưới 3 tháng, thường xuyên 31.824 người*).

Thời điểm 14/10/2025, có 629/731 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 86,05%. Trong đó: MN có 183/196 trường, tỷ lệ 93,37%; TH có 270/309 trường, tỷ lệ 87,38%; THCS có 157/174 trường, tỷ lệ 90,23%; THPT 19/52 trường, tỷ lệ 36,54%.

2. Công tác an sinh - xã hội

Công tác giải quyết việc làm: Trong tháng giải quyết việc làm 7.259 người, lũy kế đã giải quyết việc làm 53.274/59.000 người, đạt 90,29% kế hoạch (*Trong đó: trong tỉnh 20.441 người, ngoài tỉnh 31.694 người, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 1.139 người*).

Công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tiếp tục được quan tâm, thực hiện. Trong tháng, tiếp nhận 1.341 hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, lũy kế đã tiếp nhận 10.861 hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; số người đã có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp 1.231 người; lũy kế có 10.139 người đã có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Tiếp tục theo dõi, quản lý tổng số đối tượng Người có công với cách mạng được công nhận hiện nay khoảng 185.008 người; trong đó có 21.678 người đang hưởng trợ cấp hàng tháng, với tổng kinh phí chi trả trên 60 tỷ đồng/năm.

3. Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao

Hoạt động văn hóa: Công tác tuyên truyền chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được triển khai đồng bộ với quy mô lớn, với nhiều hình thức như: triển lãm hình ảnh, hiện vật, sách báo; 22 khâu hiệu, 05 mẫu biểu tượng check-in, 21 tranh cổ động, 02 mẫu avatar và tranh đèn hoa; 120 tấm băng rôn (ngang, dọc) trên các tuyến đường chính; tuyên truyền cổ động bằng xe lưu động trên các tuyến đường trong tỉnh Cà Mau; lắp đặt 165 cụm pano (tấm lớn, tấm nhỏ) và trang trí khánh tiết; lắp đặt 03 công và 20 biểu tượng, điểm check in chào mừng Đại hội tại các điểm công cộng, quảng trường;...

Hoạt động thể dục, thể thao: Tham gia thi đấu 09 giải thể thao thành tích cao đạt 34 huy chương (05 HCV; 09 HCB; 20 HCD). Công tác tuyển chọn, đào tạo năng khiếu thể thao được duy trì tập luyện thường xuyên. Tổng số vận động viên đang được đào tạo hiện nay là 299 vận động viên thuộc 3 tuyến, bao gồm: 86 VĐV tuyến tỉnh; 71 VĐV trẻ; 142 VĐV năng khiếu.

4. Tình hình thiên tai

Thiên tai: công tác phòng, chống lụt bão - khắc phục thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tiếp tục được kiểm tra thường xuyên và duy trì. Tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh trong tháng: 04 cơn bão hoạt động trên biển; 06 vụ đông lốc làm thiệt hại 07 căn nhà; 01 vụ sạt lở đất ven sông. Tổng giá trị thiệt hại khoảng 144,5 triệu đồng.

Sau khi xảy ra sự việc các ngành chức năng, cùng chính quyền địa phương đã đến động viên, thăm hỏi các gia đình bị thiệt hại khắc phục khó khăn, ổn định lại cuộc sống. Bên cạnh đó, các ngành chức năng vẫn tiếp tục tuyên truyền người dân thực hiện tốt công tác phòng, chống cháy nổ, thiên tai và luôn cảnh báo người dân sống gần khu vực bờ sông, ven biển đề phòng nguy cơ sạt lở, gió lốc nhằm tránh thiệt hại về người và tài sản.

5. Tai nạn giao thông (từ ngày 15/9/2025 đến ngày 14/10/2025)

Trên địa bàn tỉnh xảy ra 11 vụ tai nạn giao thông, giảm 06 vụ so tháng trước, giảm 04 vụ so cùng kỳ; chết 08 người, giảm 06 người so tháng trước, giảm 03 người so cùng kỳ; bị thương 06 người, tăng 01 người so tháng trước, không đổi so cùng kỳ.

6. Y tế

Công tác phòng, chống dịch bệnh: trong tháng 10/2025, bệnh sốt xuất huyết ghi nhận 828 ca mắc, tăng 38,00% so với tháng trước, tăng 5,27 lần so với cùng kỳ; tay chân miệng ghi nhận 366 ca mắc, tăng 33,58% so với tháng trước, giảm 21,79% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2025, bệnh sốt xuất huyết 2.407 ca, tăng 3,38 lần so với cùng kỳ; tay chân miệng 2.200 ca, tăng 17,71% so với cùng kỳ.

Công tác phòng, chống HIV/AIDS: trong tháng 10/2025, trên địa bàn tỉnh phát hiện mới 31 người nhiễm HIV, cộng dồn từ đầu năm là 274 người, tích lũy từ khi phát hiện trường hợp đầu tiên đến nay là 8.611 người; bệnh nhân AIDS tử vong 04 người, cộng dồn từ đầu năm là 45 người, tích lũy từ khi phát hiện trường hợp đầu tiên đến nay là 1.948 người.

Công tác khám chữa bệnh: trong tháng 10/2025, tổng số lượt khám bệnh 558.474 lượt, tăng 0,94% so với tháng trước; Lượt bệnh nhân điều trị nội trú 31.043 lượt, tăng 4,16% so với tháng trước; Ngày điều trị nội trú 189.239 ngày, tăng 1,41% so với tháng trước. Công suất sử dụng giường bệnh tại các đơn vị cụ thể như sau: 08 Bệnh viện tuyến tỉnh đạt trung bình 98,2%, 04 Bệnh viện Đa khoa đạt trung bình 95,9%, 16 Trung tâm Y tế Khu vực có giường bệnh đạt trung bình 87,9%, 01 Bệnh viện Đa khoa Khu vực đạt 82,1%, 04 Bệnh viện Y tế ngành đạt 61,5%, 04 Bệnh viện ngoài công lập đạt 57,7%.

Trên đây là những nét cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau tháng 10 và 10 tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Vp Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Lưu: VT, TKTH.



Tô Thanh Hòa

1. Sản lượng thủy sản

	Ước tính tháng 10/2025	Ước tính 10 tháng năm 2025	Ước tính tháng 10/2025 so cùng kỳ (%)	Ước tính 10 tháng năm 2025 so cùng kỳ (%)
Tổng sản lượng thủy sản (tấn)	119.010	1.026.381	104,13	105,71
<i>Trong đó: Tôm</i>	<i>64.570</i>	<i>479.699</i>	<i>107,35</i>	<i>108,06</i>
+ Sản lượng khai thác	28.860	305.821	98,95	102,15
+ Sản lượng nuôi trồng	90.150	720.560	105,91	107,30

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

	Chỉ số ước tháng 10/2025 so tháng trước (%)	Chỉ số ước tháng 10/2025 so cùng kỳ năm trước (%)	Chỉ số ước tính 10 tháng năm 2025 so cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	102,91	109,89	108,22
Khai khoáng	118,37	109,55	98,37
Công nghiệp chế biến, chế tạo	103,34	110,25	109,75
<i>Trong đó:</i>			
- Sản xuất chế biến thực phẩm	100,92	113,05	111,46
- Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	140,29	87,90	91,93
- Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	122,78	103,26	106,70
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước	84,90	106,22	102,30
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	103,26	104,35	100,05

3. Thu, chi ngân sách Nhà nước (tính đến ngày 29/10/2025)

	Lũy kế thực hiện từ đầu năm (Tỷ đồng)	Lũy kế thực hiện so với dự toán năm (%)
Thu NSNN trên địa bàn	9.946,45	95,94
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nội địa	9.495,91	94,46
- Thu thuế xuất nhập khẩu	450,54	143,03
Chi NSNN địa phương	20.229,14	76,16
<i>Trong đó:</i>		
- Chi đầu tư xây dựng cơ bản	3.393,82	57,16
- Chi thường xuyên	15.470,40	100,05

4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Ước tính tháng 10/2025 (Tỷ đồng)	Ước tính 10 tháng năm 2025 (Tỷ đồng)	Ước tính tháng 10/2025 so cùng kỳ năm trước (%)	Ước tính 10 tháng năm 2025 so cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	18.714,80	179.877,92	116,31	117,66
<i>Trong đó:</i>				
Bán lẻ hàng hóa	14.571,84	139.738,93	116,91	116,56

5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 10/2025 so với (%)		Chỉ số giá bình quân 10 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
	Cùng kỳ năm trước	Tháng trước	
Chỉ số giá tiêu dùng	103,43	100,19	103,67
- Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	102,11	100,33	103,59
- Đồ uống và thuốc lá	104,53	100,76	103,14
- May mặc, giày dép và mũ nón	102,57	100,66	101,87
- Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	104,47	99,37	105,86
- Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,41	100,28	102,24
- Thuốc và dịch vụ y tế	117,42	99,99	117,50
- Giao thông	102,22	100,88	96,66
- Bưu chính viễn thông	100,72	99,99	100,26
- Giáo dục	99,92	100,03	99,78
- Văn hóa, giải trí và du lịch	101,04	99,92	101,41
- Hàng hóa và dịch vụ khác	104,42	100,89	105,46
Chỉ số giá vàng	158,25	116,59	144,52
Chỉ số giá đô la Mỹ	104,69	99,65	103,87

6. Hoạt động vận tải

	Đơn vị tính	Ước tính tháng 10/2025	Ước tính tháng 10/2025 so cùng kỳ năm trước (%)
Khối lượng hành khách vận chuyển	Nghìn HK	18.420,81	122,12
Khối lượng hành khách luân chuyển	Triệu HK.km	844,96	123,20
Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Nghìn tấn	1.109,05	117,30
Khối lượng hàng hoá luân chuyển	Triệu tấn.km	134,10	121,77

7. Tai nạn giao thông

	Đơn vị tính	Tháng 10/2025	Tháng 10/2025 so tháng trước	Tháng 10/2025 so cùng kỳ năm trước
Số vụ tai nạn	vụ	11	-6	-4
- Đường bộ	"	11	-6	-3
- Đường thủy	"	-	-	-1
Số người chết	người	8	-6	-3
- Đường bộ	"	8	-6	-2
- Đường thủy	"	-	-	-1
Số người bị thương	"	6	+1	-
- Đường bộ	"	6	+1	-
- Đường thủy	"	-	-	-

8. Y tế

	Đơn vị tính	Tháng 10/2025	Lũy kế 10 tháng năm 2025	Tháng 10/2025 so tháng trước	Tháng 10/2025 so cùng kỳ năm trước (%)	Lũy kế 10 tháng năm 2025 so cùng kỳ năm trước (%)
Tình hình bệnh truyền nhiễm						
- Thủy đậu	Ca mắc	16	161	177,78	160,00	365,91
- Sốt xuất huyết		828	2407	138,00	627,27	437,64
- Tay chân miệng		366	2.200	133,58	78,21	117,21
- Tiêu chảy	"	189	2.556	111,18	60,19	159,65
- Sốt phát ban nghi sởi	"	109	6.628	389,29	40,67	1.791,35